

Bản án: 61/2022/HS-ST
Ngày 07 tháng 11 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Vũ Văn Hưng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Hoài Đức - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2022/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Văn D**, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Tự do. Văn hóa: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Họ và tên bố: Trịnh Mạnh Hoạch, sinh năm 1952.

Họ và tên mẹ: Lương Thị Dung, sinh năm 1954.

Vợ: Thân Thị Hải, sinh năm 1982.

Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003.

Gia đình có 01 anh chị em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị xóa tên trong danh sách Đảng viên theo Quyết định số 185-QĐ/TU ngày 27/8/2021 của Thành ủy B.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa).

+ **Người bào chữa cho bị cáo D:** Bà Ngọc Thị Vui- Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Fanci- Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt).

+ **Bị hại:**

1. Anh Đặng Văn Thái, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 80, đường Nguyễn Doãn Địch, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Việt Anh, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Khu Bờ Cung, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh B.

(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến- Bộ Công an). (Có mặt).

3. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Trung Việt B.

Người đại diện theo ủy quyền quyền: Ông Đoàn Việt Hà, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 120, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Việt Cao Nguyên, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 65, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

2. Anh Lê Văn Thi, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ khu 3, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh B. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Hoàn, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh B. (Vắng mặt).

4. Anh Đoàn Bá Nghĩa, sinh năm 1972. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Chợ Ngọc Vân, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh B.

5. Anh Hoàng Văn Thắng, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu Mới, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh B.

6. Anh Phạm Thành Mạnh, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Cầu Yêu, xã Ngọc Thiến, huyện Tân Yên, tỉnh B.

7. Anh Đồng Ngọc Sơn, sinh năm: 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kép Thượng, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B.

+ Người làm chứng:

1. Anh Tạ Văn Tuấn, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B.

2. Chị Dương Thị Lệ, sinh năm: 1982. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kép Thượng, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trịnh Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trịnh Văn D, sinh năm 1981 trú tại thôn Sỏi, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B làm nhân viên lái xe taxi cho Công ty cổ phần thương mại và Dịch vụ Trung Việt- B (gọi tắt là Công ty Trung Việt). Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến tháng 06/2020, D đã 03 lần thuê 03 chiếc xe ô tô có tổng trị giá 960.000.000

đồng, để tự lái và kinh doanh dịch vụ vận tải (taxi). Sau khi thuê được xe ô tô, D sử dụng một thời gian rồi đem đi cầm cố, bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân, trong đó có 01 lần D làm giả Giấy đăng ký xe ô tô. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt của ông Đặng Văn Thái, sinh năm 1993 trú tại số 80, đường Nguyễn Doãn Địch, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS 98A- 298.75 trị giá 450.000.000 đồng và làm, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả

Trịnh Văn D quen biết ông Đặng Văn Thái làm nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái; D đã nhiều lần thuê xe ô tô của ông Thái để làm phương tiện đi lại giải quyết công việc cá nhân và chở khách (do khách quen không muốn đi xe của hãng).

Ngày 28/02/2020, D đến cửa hàng của ông Thái thuê xe ô tô BKS 98A-298.75, thời hạn thuê xe từ ngày 28/02/2020 đến ngày 04/3/2020 với giá 1.500.000 đồng/ngày. Do ông Thái có việc bận nên bảo anh Trần Cao Việt Nguyên, sinh năm 1999 trú tại số 65, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố B giao xe ô tô và giấy tờ xe cho D (gồm bản sao Giấy đăng ký xe ô tô số 054348 mang tên Đặng Văn Thái; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy chứng nhận kiểm định mang tên Trần Văn Hoài). D viết hợp đồng thuê xe ô tô và biên bản bàn giao giấy tờ xe giao cho anh Nguyên. Khi hết thời hạn thuê xe ô tô, D và ông Thái tiếp tục thoả thuận cho thuê xe nhưng hai bên không làm giấy tờ, hợp đồng. D đã thanh toán tiền thuê xe đúng hạn cho ông Thái đến ngày 16/7/2020 với tổng số 210.000.000 đồng nhưng không làm giấy biên nhận.

Khoảng tháng 3/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên D mang xe ô tô đã thuê của ông Thái đem đi bán lấy tiền. Theo D khai, D đã thuê đối tượng không quen biết (không nhớ tên, tuổi địa chỉ) làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô BKS 98A-298.75 mang tên Trịnh Văn D với giá 1.500.000 đồng. D cung cấp thông tin cá nhân, thông tin trên giấy đăng ký xe của ông Thái cho đối tượng để làm giả.

Ngày 24/3/2020, D đi xe ô tô BKS 98A-298.75 đến bán cho ông Lê Văn Thi, sinh năm 1976 trú tại tổ khu 3, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh B với giá 450.000.000 đồng. Khi bán xe, D nói đây là xe của D mua của bạn ở tỉnh Lâm Đồng, đã đăng ký chính chủ và đưa cho ông Thi xem Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Trịnh Văn D, ông Thi đồng ý mua. D viết giấy bán xe và giao giấy tờ xe cho ông Thi gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 98A-298.75 mang tên Trịnh Văn D; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy chứng nhận kiểm định mang tên Trần Văn Hoài và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn D. Sau đó, ông Thi gửi xe ô tô tại nhà ông Nguyễn Đình Cuối, sinh năm 1970 trú tại tổ dân phố Thắng Cương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

Đến tháng 8/2020, ông Thái không thấy D trả tiền thuê xe hay mang xe ô tô về trả và không liên lạc được với D nên làm đơn tố giác.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của ông Thái: 01 hợp đồng thuê xe tự lái, 01 biên bản bàn giao giấy tờ xe đề ngày 28/02/2020, 01 bản sao Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 054348 mang tên Đặng Văn Thái; thu giữ của ông Thi: 01 Giấy bán xe đề ngày 24/3/2020, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 98A-298.75 mang tên Trịnh Văn D, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật mang tên Trần Văn Hoài, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn D, 01 xe ô tô BKS 98A- 298.75.

* Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trịnh Văn D trên hợp đồng thuê xe ô tô, biên bản bàn giao giấy tờ xe ô tô, giấy bán xe đã thu giữ; trưng cầu giám định giám định số khung, số máy, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã thu giữ; định giá xe ô tô biển số 98A-298.75:

- Kết luận giám định số 1523/KL-KTHS ngày 23/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: “*Chữ viết, chữ ký dưới các mục “bên nhận”, “Bên B”, “Người bán”, “Đại diện bên B” trên biên bản bàn giao giấy tờ xe ô tô, Hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 28/02/2020; Giấy bán xe đề ngày 24/3/2020 là của Trịnh Văn D*”.

- Kết luận giám định số 1112/KL-KTHS ngày 26/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 054348, mang tên chủ xe Trịnh Văn D, biển số đăng ký 98A-298.75 là giả được làm bằng phương pháp in phun màu*”.

- Kết luận giám định số 1070/KL-KTHS ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: “*Dây số máy 4A91GX4089, dây số khung MK2XRNC1WKN043903 trên xe ô tô BKS 98A- 298.75 không bị hàn ghép, đóng đục lại*”.

- Kết luận định giá tài sản số 338/KL-HĐ ĐG ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: *Xe ô tô biển kiểm soát 98A-298.75 trị giá 590.000.000 đồng.*

* Về bồi thường dân sự: Ông Thái đã nhận lại xe ô tô BKS 98A-298.75, không có yêu cầu đề nghị gì. Ông Lê Văn Thi yêu cầu D trả lại số tiền 450.000.000 đồng (bút lục 405-406; 409-410; 417- 418).

Đối với ông Lê Văn Thi khi mua xe ô tô BKS 98A-298.75 của Trịnh Văn D không biết xe ô tô và giấy tờ xe là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

* Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại ông Đặng Văn Thái 01 xe ô tô BKS 98A-298.75 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 98A-298.75.

2. Hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Việt Anh, sinh năm 1995 trú tại khu bờ Cung, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh B xe ô tô Hyundai Getz BKS 98A-249.34 trị giá 100.000.000 đồng.

Trịnh Văn D quen biết ông Nguyễn Việt Anh từ trước (gia đình ông Việt Anh kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái) và đã nhiều lần D thuê xe ô tô của ông Việt Anh.

Khoảng tháng 6/2020, D hỏi thuê xe ô tô của ông Việt Anh. Do không còn xe cho thuê nên ông Việt Anh liên hệ mượn xe ô tô Hyundai Gatez BKS 98A-249.34 của ông Nguyễn Văn Hoàn, sinh năm 1984 trú tại thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh B để cho D thuê. Ông Hoàn giao cho ông Việt Anh 01 xe ô tô cùng giấy tờ xe gồm: 01 Giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Văn Tuấn, 01 Giấy đăng kiểm xe ô tô và 01 Giấy bảo hiểm TNDS. Ngày 17/6/2020, D viết hợp đồng thuê xe ô tô BKS 98A-249.34 với ông Việt Anh, thời hạn thuê từ ngày 17/6/2020 đến 17/7/2020 với giá 9.000.000 đồng/01 tháng. Ông Việt Anh giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho D. Sau đó, D sử dụng xe ô tô để đi lại và dùng để chở khách.

Ngày 19/6/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân, D mang xe ô tô trên bán cho ông Đoàn Bá Nghĩa, sinh năm 1972 trú tại chợ Ngọc Vân, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh B lấy 100.000.000 đồng. Khi bán xe, D nói là xe của D mua lại của người khác và viết “Giấy bán xe” cho ông Nghĩa. D giao xe ô tô và các giấy tờ của xe ô tô cho ông Nghĩa.

Ngày 10/9/2020, ông Nghĩa bán xe trên cho ông Hoàng Văn Thắng, sinh năm 1986 trú tại chợ Ngọc Vân, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên với giá 85.000.000 đồng. Sau đó, ông Thắng bán xe này cho ông Phạm Thành Mạnh, sinh năm 1985 trú tại thôn Cầu Yêu, xã Ngọc Thiệu, huyện Tân Yên với giá 110.000.000 đồng.

Đến hẹn không thấy D trả xe, ông Việt Anh không liên lạc được với D nên làm đơn tố giác gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố B thu giữ của ông Việt Anh: 01 Hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 17/6/2020; thu giữ của ông Mạnh: 01 xe ô tô BKS 98A-249.34, 01 chìa khoá xe ô tô, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Văn Tuấn, 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS, 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 19/9/2020; thu giữ của ông Nghĩa 01 Giấy bán xe ô tô đề ngày 19/6/2020; thu giữ của ông Thắng 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 10/9/2020.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trịnh Văn D trên hợp đồng cho thuê xe tự lái, giấy bán xe ô tô đã thu giữ; định giá xe ô tô biển số 98A-249.34:

- Kết luận giám định số 1632/KL-KTHS ngày 10/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: “*Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu giám định (ký hiệu A1, A2- trừ chữ ký dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định A1; chữ viết có nội Dng “Đoàn Bá Nghĩa- Song Vân- Tân Yên- 121068521- 26.5.2018- CABG- Đoàn Bá Nghĩa- Đoàn Bá Nghĩa- 19...6...2020” tại các dòng 16, 17. 18. 27. 29. 30 tính từ trên xuống dưới và chữ ký, chữ viết dưới các mục “Người mua- Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định A2) là của Trịnh Văn D.*”

- Kết luận định giá tài sản số 373/KL-HĐ ĐG ngày 16/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 98A-249.34 trị giá 100.000.000 đồng.

* Về bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Văn Hoàn đã nhận lại xe ô tô BKS 98A-249.34, không có yêu cầu đề nghị gì. Ông Đoàn Bá Nghĩa, Nguyễn Việt Anh không có yêu cầu đề nghị gì. Ông Hoàng Văn Thắng, Phạm Thành Mạnh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Đoàn Bá Nghĩa, Hoàng Văn Thắng, Phạm Thành Mạnh khi mua xe ô tô BKS 98A-249.34 không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

* Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại ông Nguyễn Văn Hoàn 01 xe ô tô BKS 98A-249.34, 01 chìa khoá xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Văn Tuấn; 01 Giấy chứng nhận kiểm định và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS.

3. Hành vi chiếm đoạt của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Trung Việt B xe ô tô Nissan Sunny BKS 98A-171.13 trị giá 270.000.000 đồng.

Ngày 08/8/2019, Trịnh Văn D ký kết hợp đồng lao động số 10/2019-HĐLĐ với Công ty cổ phần thương mại và Dịch vụ Trung Việt B với nhiệm vụ làm nhân viên lái xe. Đồng thời, Công ty Trung Việt cho D thuê xe ô tô Nissan Sunny BKS 98A- 171.13 để kinh doanh dịch vụ taxi theo sự điều hành của Công ty Trung Việt, thời hạn thuê từ ngày 08/8/2019 đến 07/8/2020 với giá 10.000.000 đồng/01 tháng, ngày 15 hàng tháng D có trách nhiệm mang xe về Công ty để bảo trì kỹ thuật và thanh toán tiền thuê xe. Công ty Trung Việt đã bàn giao xe cùng giấy tờ xe (gồm 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy biên nhận giữ bản chính số 98A-171.13 của Ngân hàng VPBank) cho D quản lý và sử dụng. Từ ngày 08/8/2019 đến ngày 02/7/2020, D thực hiện theo đúng cam kết với Công ty Trung Việt.

Khoảng giữa tháng 7/2020, do không có tiền chi tiêu cá nhân, D nảy sinh ý định mang xe ô tô BKS 98A-171.31 đi cầm cố lấy tiền. D mang xe ô tô trên đến cầm cố cho ông Đồng Ngọc Sơn, sinh năm 1978 trú tại thôn Kép Thượng, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B vay 130.000.000 đồng. Khi cầm cố xe ô tô, D nói đây là xe D mua trả góp để góp vốn vào Công ty Trung Việt và vay tiền để đáo hạn ngân hàng, hẹn 02- 03 ngày sau sẽ trả tiền, lấy xe. Tin tưởng D nên ông Sơn đồng ý cho D vay tiền mà không viết giấy tờ gì. D giao xe ô tô và các giấy tờ của xe gồm 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy biên nhận giữ bản chính số 98A-171.13 của Ngân hàng VPBank cho ông Sơn. Sau đó, ông Sơn gửi xe ô tô tại nhà ông Nguyễn Trọng Luật, sinh năm 1982 trú tại thôn Tân Lập, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên.

Ngày 15/7/2020, Công ty Trung Việt không thấy D mang xe đến bảo trì và thanh toán tiền thuê xe; Công ty nhiều lần liên hệ với D nhưng không được nên làm đơn tố giác gửi Công an thành phố B.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố B thu giữ tại nhà ông Luật: 01 xe ô tô BKS 98A-171.13; thu giữ của ông Sơn: 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS, 01 Giấy biên nhận giữ bản chính số 98A-171.13 của Ngân hàng VPBank; thu giữ của Công ty Trung Việt: 01 hợp đồng thuê xe, 01 biên bản giao xe và 01 hợp đồng lao động đề ngày 08/8/2019.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trịnh Văn D trên các tài liệu đã thu giữ; định giá xe ô tô biển số 98A-171.13:

- Kết luận giám định số 1379/KL-KTHS ngày 25/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: *“Chữ ký, chữ viết trên hợp đồng thuê xe đề ngày 08/8/2019 là của Trịnh Văn D”*.

- Kết luận định giá tài sản số 339/KL-HĐ ĐG ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: *Xe ô tô biển kiểm soát 98A-171.13 trị giá 270.000.000 đồng*.

* Về bồi thường dân sự: Ông Đoàn Việt Hà là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Trung Việt đã nhận lại xe ô tô BKS 98A-171.13 và không có yêu cầu đề nghị gì. Ông Đồng Ngọc Sơn yêu cầu D trả lại số tiền 130.000.000 đồng.

Đối với ông Đồng Ngọc Sơn khi nhận cầm cố xe ô tô BKS 98A-171.13 cho D vay tiền không biết là tài sản do D phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

* Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Trung Việt 01 xe ô tô BKS 98A-171.13, 01 Giấy chứng nhận kiểm định và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô.

Ngoài hành vi chiếm đoạt 03 xe ô tô nêu trên, quá trình điều tra còn xác định: Ngày 26/6/2020, Trịnh Văn D làm hợp đồng thuê xe ô tô BKS 98A-104.31 của ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1972 ở Số nhà 19, đường Châu Xuyên, phường Lê Lợi, thành phố B, thời gian từ 26/6/2020 đến 26/7/2020, với giá thuê 600.000 đồng/01 ngày. Ông Sơn giao xe ô tô và các giấy tờ xe cho D.

Khi đến hạn trả xe ô tô, do không có tiền để trả ông Sơn nên D chưa trả xe và nhờ Tạ Văn Tiến, sinh năm 1984 trú tại thôn Chùa, xã Tăng Tiến, thành phố B mang xe trả cho ông Sơn. Do Tiến bận việc nên bảo D đưa xe ô tô cho anh Phạm Văn Quý, sinh năm 1983 trú tại thôn Ngự Đại, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi giao xe ô tô cho anh Quý, D bỏ trốn vào miền Nam. Ông Sơn không thấy D trả xe ô tô và không liên lạc được với D nên làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Sau đó, Tạ Văn Tiến đã thông tin cho ông Sơn biết chỗ để xe ô tô. Cơ quan điều tra đã thu giữ xe ô tô BKS 98A-104.31 và trả lại cho ông Sơn.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn D và Tạ Văn Tiến đều khai không có việc cầm cố xe ô tô BKS 98A-104.31; Phạm Văn Quý không có mặt tại địa phương; Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc D cầm

cổ xe ô tô trên cho người khác. Cơ quan điều tra kết luận chưa đủ căn cứ chứng minh D có hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên của anh Sơn.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS-P2 ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Trịnh Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị cáo trình bày: Bị cáo làm lái xe taxi cho Công ty cổ phần thương mại và Dịch vụ Trung Việt- B. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 06/2020, bị cáo đã 03 lần thuê 03 xe ô tô để tự lái và kinh doanh dịch vụ vận tải (taxi) của Công ty Trung Việt, ông Nguyễn Việt Anh và ông Đặng Văn Thái có tổng trị giá 960.000.000 đồng. Sau khi thuê được xe ô tô, bị cáo sử dụng một thời gian rồi đem đi cầm cố, bán cho ông Lê Văn Thi, ông Đoàn Bá Nghĩa, ông Đồng Ngọc Sơn được tổng số tiền 680.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Trong đó, bị cáo đã làm giả 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên bị cáo rồi bán xe cho ông Lê Văn Thi được 450.000.000 đồng. Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại theo yêu cầu của bị hại.

Bị hại là ông Đặng Văn Thái vắng mặt tại phiên tòa nhưng có trình bày tại Cơ quan điều tra như sau: Ông đã được nhận lại xe ô tô BKS 98A-298.75, ông không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Bị hại là anh Nguyễn Việt Anh có mặt tại phiên tòa và trình bày: Chiếc xe ô tô BKS 98A- 249.34 bị cáo D chiếm đoạt nay anh Hoàn đã nhận lại chiếc xe nên anh không có yêu cầu đề nghị gì về chiếc xe. Đối với số tiền 18.000.000 đồng là tiền 02 tháng thuê xe mà D chưa trả cho anh, anh không yêu cầu D phải trả cho anh nữa, anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Trung Việt B vắng mặt nhưng có lời trình bày tại Cơ quan điều tra như sau: Công ty đã được nhận được chiếc xe ô tô BKS 98A-171.13 mà bị cáo D đã chiếm đoạt nên không có yêu cầu đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Cao Việt Nguyên vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày như sau: anh là người giao xe và giấy tờ của ông Thái cho D Thuê, do ông Thái bận nhờ anh giao cho D hộ. Nay ông Thái đã nhận lại được chiếc xe do D chiếm đoạt nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn Thi vắng mặt và trình bày như sau: Bị cáo D đã lừa bán cho anh chiếc xe ô tô BKS 98A-298.75, nay

chiếc xe đã được trả lại cho anh Thái. Anh yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho anh số tiền 450.000.000đồng anh đã trả tiền mua xe cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Hoàn vắng mặt và trình bày: anh đã được nhận lại chiếc xe ô tô BKS 98A- 249.34 do anh đưa Việt Anh đưa cho D thuê, nay anh không yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Bá Nghĩa vắng mặt nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 19/6/2020 bị cáo D bán cho anh chiếc xe BKS 98A.249.34, khi bán có viết giấy bán xe, bị cáo giao xe và giấy tờ cho anh, anh đã đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000đồng. Khi bán xe cho anh D nói là xe D mua lại của người khác. Ngày 10/9/2020 anh bán chiếc xe trên cho ông Hoàng Văn Thắng với giá 85.000.000đồng. Nay anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Mạnh Thành vắng mặt tại phiên tòa và nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: anh mua chiếc xe BKS 98A.249.34 của anh Hoàng Văn Thắng ở Ngọc Vân, huyện Tân Yên với giá 110.000.000đồng, nay cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên để trả lại cho chủ sở hữu nên anh đề nghị giải quyết buộc bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 110.000.000đồng. Còn việc giữa anh và anh Thắng, anh sẽ tự giải quyết với anh Thắng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đồng Ngọc Sơn vắng mặt và trình bày: Anh là người cầm cố chiếc xe ô tô BKS 98A- 171.13 cho D vay tiền, khi cho D vay tiền anh không biết là xe D phạm tội mà có. Anh đề nghị bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 130.000.000đồng mà bị cáo đã vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: từ 13- 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03- 04 năm tù về tội “ Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 16- 18 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn Thi 450.000.000đồng; Bồi thường cho anh Đồng Ngọc Sơn 130.000.000đồng; Bồi thường cho anh Nguyễn Thành Mạnh 110.000.000đồng.

Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày tranh luận: Nhất trí với bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, nhất trí với kết luận điều tra bổ sung của Viện kiểm sát, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo D chỉ cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chỉ thực hiện hành vi gian dối sau khi thuê được xe bằng hợp đồng. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già, con nhỏ; Bố mẹ bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, bị nhiễm chất độc hóa học, nên không thể có con và nhận nuôi D làm nơi nương tựa lúc tuổi già. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt để thể hiện tính nhân văn và khoan hồng của pháp luật. Đối với hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” thì rất đơn giản chỉ là thủ đoạn của bị cáo để lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo chỉ có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức chứ không có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Khi biết bị truy nã, bị cáo rất mong muốn về trình diện nhưng do hoàn cảnh của dịch covid nên bị cáo không thể về trình diện tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng điểm s,t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D ở mức thấp nhất mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo D đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì.

Anh Việt Anh tranh luận: Anh đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo: Giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và

Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại là anh Đặng Văn Thái, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Trung Việt B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Việt Cao Nguyên, anh Lê Văn Thi, anh Nguyễn Văn Hoàn, anh Đoàn Bá Nghĩa, anh Hoàng Văn Thắng, anh Phạm Mạnh Thành, anh Đồng Ngọc Sơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Trịnh Văn D, sinh năm 1981 trú tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố B làm nhân viên lái xe taxi cho Công ty cổ phần thương mại và D lịch Trung Việt- B (Công ty Trung Việt).

Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến tháng 06/2020, D đã 03 lần thuê 03 xe ô tô để tự lái và kinh doanh dịch vụ vận tải (taxi) của Công ty Trung Việt, ông Nguyễn Việt Anh và ông Đặng Văn Thái có tổng trị giá 960.000.000 đồng. Sau khi thuê được xe ô tô, D sử dụng một thời gian rồi đem đi cầm cố, bán cho ông Lê Văn Thi, ông Đoàn Bá Nghĩa, ông Đồng Ngọc Sơn được tổng số tiền 680.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết (trong đó, D làm giả 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS 98A-298.75 mang tên D rồi bán xe ô tô cho ông Lê Văn Thi được 450.000.000 đồng) và bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trịnh Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với hành vi ngày 24/3/2020, D đi xe ô tô BKS 98A-298.75 đến bán cho ông Lê Văn Thi, sinh năm 1976 trú tại tổ khu 3, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh B với giá 450.000.000 đồng. Khi bán xe, D nói đây là xe của D mua của bạn ở tỉnh Lâm Đồng, đã đăng ký chính chủ và đưa cho ông Thi xem Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Trịnh Văn D, ông Thi đồng ý mua. D viết giấy bán xe và giao giấy tờ xe cho ông Thi gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 98A-298.75 mang tên Trịnh Văn D; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 Giấy chứng nhận kiểm định mang tên Trần Văn Hoài và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn D có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, điều tra làm rõ về hành vi gian dối của bị cáo để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng của ông Thi. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B vẫn giữ

nguyên quan điểm truy tố và không điều tra bổ sung theo Quyết định điều tra bổ sung của hội đồng xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, nên Hội đồng xét xử không thể xét xử bị cáo về hành vi lừa đảo của bị cáo đối với ông Thi.

[4]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo Trịnh Văn D thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm vào hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến quyền về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, phải có hình phạt tù thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[5]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Mẹ bị cáo là bà Lương Thị Dng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, bố bị cáo là ông Trịnh Văn Hoạch được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Bị hại là anh Nguyễn Việt Anh tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với tình tiết bị cáo tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở vì bị cáo thuộc đối tượng bắt truy nã.

Về nội Dng luật sư cho rằng bị cáo chỉ có hành vi sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức chứ không có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, xét thấy: Ngoài hành vi làm giả, bị cáo D có hành vi cung cấp thông tin cho đối tượng làm giả đăng ký xe, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[7]. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội với mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp và có căn cứ.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 khoản Điều 175, khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự còn quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa bồi thường

được cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Do bị cáo Trịnh Văn D đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Do bị cáo chiếm đoạt và chưa thực hiện việc bồi thường cho người bị hại. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có căn cứ. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn Thi 450.000.000đồng; Bồi thường cho anh Đồng Ngọc Sơn 130.000.000đồng; Bồi thường cho anh Nguyễn Thành Mạnh 110.000.000đồng.

Tại phiên tòa anh Việt Anh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000đồng. Nhưng tại phần tranh luận anh Việt Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường, việc rút yêu cầu bồi thường của anh Việt Anh là tự nguyện nên không buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Việt Anh khoản tiền này.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại: 01 chứng minh nhân dân số 121252271 mang tên Trịnh Văn D, là giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần trả lại bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 054348, tên chủ xe Trịnh Văn D, nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Xpander, biển số đăng ký 98A-298.75 là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô Trần Văn Hoài, biển số đăng ký 49A-275.88 là những giấy tờ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trịnh Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn D 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn Thi số tiền 450.000.000đồng, bồi thường cho anh Đồng Ngọc Sơn số tiền 130.000.000đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Thành Mạnh số tiền 110.000.000đồng.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày **Cã B-N** yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 121252271 mang tên Trịnh Văn D.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 054348, tên chủ xe Trịnh Văn D, nhãn hiệu Miitsubishi, số loại Xpander, biển số đăng ký 98A-298.75; 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô Trần Văn Hoài, biển số đăng ký 49A- 275.88.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ- VKS-P2 ngày 03/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B B và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/9/2022).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trịnh Văn D phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 31.600.000đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh B;
- Trại tạm giam công an tỉnh B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

